

Bản án số: 519/2023/HS-PT
Ngày 02-8-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;
Ông Lê Văn An.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 147/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Long K cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T; sinh năm 1985, tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khu vực B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú hiện nay: căn A2, khu chung cư B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Á và bà Trần Thị L; A, chị, em ruột: có 08 người; vợ: Trần Thị Kiều T1; con: không có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/01/2022, tạm giam ngày 19/01/2022 đến nay. (Có mặt)

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. Nguyễn Long K; tên gọi khác: C; sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

nơi cư trú hiện nay: căn A2, khu chung cư B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình K1 và bà Nguyễn Thị C1; anh chị em ruột: có 01 người; có vợ: Hồ Thị Đình H và 03 người con, người lớn sinh năm 2012, người nhỏ sinh năm 2020.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị can bị tạm giữ ngày 10/01/2022, tạm giam ngày 19/01/2022 đến nay.

(Có mặt)

2. Đặng Tiến C2; sinh năm 1990, tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố C, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Tiến K2 và bà Trần Thị L1; anh chị em ruột có 01 người; có vợ: Nguyễn Thị Thái Tường V; con: chưa có.

Ngày 09/3/2022, bị cáo Chung bị Công an thành phố T xử phạt 6.000.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác” và “Sử dụng công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép”, đã nộp phạt ngày 10/3/2022 theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 70/QĐ-XPHC).

- Tiền án: Bản án số 02 ngày 29/02/2016, Tòa án Quân sự Quân khu 7 áp dụng khoản 2 Điều 93, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, 47, 20, 53 Bộ luật hình sự xử phạt Đặng Tiến C2 06 năm tù về tội “Giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2015. Chấp hành xong hình phạt ngày 27/02/2019.

- Tiền sự:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 56/QĐ-XPHC ngày 22/02/2021 của Công an thành phố T xử phạt Đặng Tiến C2 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”, đã nộp phạt ngày 24/02/2021.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 33/QĐ-XPHC ngày 25/3/2021 của Công an P1, thành phố T xử phạt Đặng Tiến C2 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã nộp phạt ngày 20/4/2021.

- Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 17/8/2022, đến ngày 11/01/2023 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm. Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác. (Có mặt)

***Người bào chữa của các bị cáo:**

- Người bào chữa chỉ định của bị cáo K: Luật sư Dương Mỹ H1 – Đoàn Luật sư tỉnh T. (Có mặt)

- *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo T: Luật sư Lê Doãn T2 – Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt)*

(Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không tiến hành triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Long K sống cùng vợ là Hồ Thị Đình H tại căn hộ A2; bị cáo Nguyễn Văn T là bạn của bị cáo K, sống cùng vợ là Trần Thị Kiều T1 tại căn hộ A cùng Chung cư B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đến tháng 10/2021, do bị cáo T không có công việc, không có thu nhập trả tiền thuê nhà nên bị cáo K cho vợ chồng bị cáo T đến ở cùng nhà tại căn hộ A chung cư B.

Vào đêm ngày 08/01/2022, bị cáo K đến phòng ngủ của bị cáo T tại lầu 2 để cùng chơi game. Đến khoảng hơn 00 giờ ngày 09/01/2022, bị cáo K nói với bị cáo T không có tiền giờ kiếm nhà người quen trước đây cùng làm xây dựng để trộm thì T đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 00 cùng ngày, bị cáo K kêu bị cáo T lấy xe đi với bị cáo K. Bị cáo K điều khiển xe mô tô biển số 83-841 TA chở bị cáo T đến nhà anh Thái Trường G, tại số C đường N, Khu phố E, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Đến nơi, bị cáo K kêu bị cáo T chạy xe về nhà chờ. Bị cáo K trèo lên tường, vào bên trong, đột nhập vào nhà, lục tìm tài sản ở nhiều nơi nhưng không thấy. Sau đó bị cáo K lấy chìa khoá xe ô tô biển số 51F- 830.28 tại phòng khách ra nhà xe mở cửa xe vào bên trong, lục tìm tài sản thì phát hiện trong xe có túi xách trong đó có 20.000 USD, 160.000.000 đồng và 03 ví đựng tiền hiệu Louis Vuitton, H2 của anh G nên lấy trộm rồi tẩu thoát ra ngoài gọi điện thoại kêu bị cáo T đến rước. Về đến nhà, khi vào phòng ngủ của bị cáo T, bị cáo K chia cho bị cáo T 5000 USD và 01 ví bằng da (loại da cá sấu), màu đen, hiệu LOUIS VUITTON PARIS made in France, bên trong có chữ M1116858.

Số tiền trộm được, bị cáo K đưa cho chị Hồ Thị Đình H 100.000.000 đồng và 1.800 USD. Chị H hỏi tiền ở đâu mà có thì bị cáo K nói tiền của bạn bè đưa. Sau đó, bị cáo K điều khiển xe mô tô biển số 83-841 TA chở chị H và Phan Đình N, sinh năm 2004, là con riêng của Trần Thị Kiều T1 sống cùng căn hộ A2 đến tiệm C3 tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh chuộc 02 xe mô tô biển số 70B2-014.01 và 70B2-011.89 với số tiền 75.850.000 đồng. Xong chị H và N điều khiển xe mô tô biển số 83-841 TA và xe mô tô biển số 70B2- 014.01 về nhà. Bị cáo K điều khiển xe mô tô biển số 70B2-011.89 đến khu vực ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh gặp bạn tên P (không rõ tên, địa chỉ) để cùng sử dụng ma túy. Đến khoảng 23 giờ 30 ngày 09/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành bắt giữ và khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo K và bị cáo T, thu giữ tài sản gồm 17.700 USD, 44.500.000 đồng, 01 túi xách và 02 ví tiền hiệu Louis Vuitton,

H2; phát hiện và thu giữ 01 khẩu súng quân dụng loại K59, 01 khẩu súng tự chế thuộc nhóm vũ khí quân dụng, 01 khẩu súng công cụ hỗ trợ, 02 khẩu súng mô hình, 03 hộp tiếp đạn, 63 viên đạn các loại, 01 vỏ đạn, 01 đầu đạn, 02 còng tay và một số tang vật khác có liên quan.

Số vũ khí và công cụ thu giữ được, bị cáo Nguyễn Long K, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: tháng 6/2019, bị cáo K được người bạn tên T3 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) nhờ giữ hộ khẩu súng tự chế bằng kim loại màu đồng, trên thân súng có các ký tự DETONICS 45 và 22 viên đạn có ký hiệu chữ “T”. Sau khi có súng, bị cáo K đã cất giấu tại nơi ở của bị cáo K. Đến tháng 6/2021, bị cáo Nguyễn Văn T đặt mua khẩu súng K59, có số hiệu nguyên thủy E0 9621 và 02 viên đạn ký hiệu PMC 9mm LUGER của người tên T4 (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 30.000.000 đồng cất giấu tại nơi ở của bị cáo T. Khi bị cáo K đến nhà bị cáo T chơi, bị cáo T đưa khẩu súng K59 và 02 viên đạn cho bị cáo K xem và cho bị cáo K 01 viên đạn. Bị cáo K nói cho bị cáo T biết bị cáo K cũng có khẩu súng tự chế và 22 viên đạn và sau đó giao lại cho bị cáo T để bị cáo T cất giấu. Việc bị cáo K và bị cáo T cất giấu súng, đạn thì Hồ Thị Đình H và Trần Thị Kiều T1 không biết.

Cũng trong tháng 6/2021, bị cáo Đặng Tiến C2 (là bạn của bị cáo K) có đến nhà của bị cáo T tại căn hộ A Chung Cư B để gặp bị cáo K và bị cáo T do bị cáo K có nhờ bị cáo Chung nói chuyện với người tên Thắng Ninh S (không rõ họ tên, địa chỉ) về việc cho bị cáo T có thêm thời gian trả nợ do bị cáo T đang nợ người này nhưng chưa có tiền trả. Bị cáo K nói với bị cáo Chung tại muốn nhìn cho êm chuyện, chứ bị cáo K và bị cáo T có súng nên không sợ nhóm của T5. Sau đó, bị cáo K kêu bị cáo T đi lấy khẩu súng tự chế cho bị cáo C2 xem. Bị cáo Chung cầm súng và tháo hộp tiếp đạn xem. Sau khi xem xong, bị cáo Chung trả lại cho bị cáo K rồi ngồi nói chuyện một lát rồi về. Bị cáo Chung không trình báo công an xử lý.

Kết luận giám định số 106/KL-KTHS ngày 16/01/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T thể hiện: 02 (hai) dấu vết đường vân thu tại hiện trường (ký hiệu: 1, 2) trong đó: Dấu vết đường vân (ký hiệu: 1) trùng với dấu vân tay ngón trỏ trái; dấu vết đường vân (ký hiệu: 2) trùng với dấu vân tay ngón giữa trái của bị cáo Nguyễn Long K.

Kết luận giám định số: 822/C09B ngày 11/02/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ C4 tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- 06 ảnh dấu vết in hình vân đế giày, dép thu tại hiện trường vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 09/01/2022 tại Khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh đủ yếu tố giám định.

- 03 dấu vết in hình vân đế dép thu trên tường rào (A1, A2, A3) và 01 (một) dấu vết in hình vân đế dép (A5) thu trên lan can hướng Nam lầu 1 có đặc điểm

chung cùng loại với vân đôi dép gửi giám định, đặc điểm riêng không đủ cơ sở truy nguyên chiếc dép cụ thể.

- 02 dấu vết in hình vân đế dép (A4, A6) thu trên lan can hướng Nam lầu 1 do đôi dép gửi giám định in ra (A4 - dép chân phải, A6 - dép chân trái).

Kết luận giám định số: 157/KL-KTHS ngày 25/01/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T: 89 (tám mươi chín) tờ tiền Việt Nam đồng loại mệnh giá 500.000 đồng cần giám định là tiền thật.

Kết luận giám định số: 831/C09B ngày 25/01/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C4 tại Thành phố Hồ Chí Minh: 177 (một trăm bảy mươi bảy) tờ tiền Đô la Mỹ loại mệnh giá 100 USD cần giám định là tiền thật.

Kết luận giám định số: 827/C09B ngày 14/02/2022 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ C4 tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện:

- Khẩu súng dạng súng K59, trên thân súng có chữ E 0... gửi giám định là súng K59, số nguyên thủy E03...(là ký tự bị gỉ sét không đọc được), không rõ nước sản xuất. Hiện tại súng bắn được đạn nổ. Khẩu súng nêu trên là vũ khí quân dụng.

- Khẩu súng bằng kim loại màu đồng, trên thân súng có các ký tự DETONICS 45 gửi giám định là vũ khí được chế tạo thủ công. Tiến hành bắn thực nghiệm với loại đạn 5,6mm X 15,6mm, kết quả đạn nổ. Khẩu súng nêu trên có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

- 01 (một) viên đạn ký hiệu PMC 9mm LUGER là đạn cỡ 9mm, không rõ nước sản xuất, dùng cho các loại súng quân dụng và súng tự chế có cỡ nòng 9mm. Viên đạn nêu trên là đạn của vũ khí quân dụng. Bắn thực nghiệm với viên đạn nêu trên, kết quả đạn nổ.

- 01 (một) vỏ đạn ký hiệu THAI ARM 8 9mm là vỏ đạn đã bắn thuộc loại đạn cỡ 9mm X 18mm, không rõ nước sản xuất và là đạn của vũ khí quân dụng có cỡ nòng 9mm.

Kết luận giám định số: 1499/KL-KTHS ngày 15/3/2022 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ C4 tại Thành phố Hồ Chí Minh: Vỏ đạn ký hiệu THAI ARM 8 9mm không phải do súng K59, số nguyên thủy E03... (... là ký tự bị gỉ sét không đọc được) bắn ra.

Kết luận giám định số: 3841/KL-KTHS ngày 22/7/2022 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ C4 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Khẩu súng K59 gửi giám định có số hiệu nguyên thủy E0 9621.

- Khẩu súng K59 số hiệu E0 9621 gửi giám định không bắn ra các đầu đạn, vỏ đạn của các vụ án hiện lưu tại Phân Viện khoa học hình sự.

Kết luận giám định số: 830/KL-C09B ngày 23/02/2022 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ C4 tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- 07 (bảy) tập tin video gửi giám định không bị cắt, ghép, chỉnh sửa về nội dung. Mô tả đặc điểm, hành vi của đối tượng xuất hiện trong các tập tin video gửi giám định.

- Không đủ cơ sở kết luận hình ảnh đối tượng người xuất hiện trong 07 (bảy) tập tin video gửi giám định so với hình ảnh đúng tên Nguyễn Long K, sinh năm 1985, ngụ Khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh có phải là hình ảnh của cùng một người hay không.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/KL-HĐĐG ngày 22/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tây Ninh, kết luận:

- 01 USD (Đô la Mỹ) có giá trị 22.850 đồng;

- 01 túi xách bằng da, loại dây đeo chéo, sọc carô màu đen-xám, hiệu LOUIS VUITTON PARIS made in Spain (năm 2016), bên trong có chữ CA3193, đã qua sử dụng, có giá trị 14.437.500 đồng;

- 01 ví bằng da (loại da cá sấu), màu đen, hiệu LOUIS VUITTON PARIS made in France (năm 2018), bên trong có chữ M1116858, đã qua sử dụng, có giá trị 85.500.000 đồng;

- 01 ví bằng da (loại da cá sấu), màu đen, hiệu HERMÈS PARIS made in France (năm 2017), đã qua sử dụng, không xác định được giá;

- 01 ví bằng da (loại da cá sấu), màu đen, hiệu LOUIS VUITTON, mua năm 2019, đã qua sử dụng, có giá trị 105.000.000 đồng;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã trả lại cho ông Thái Trường G gồm: 44.500.000 đồng, 17.700 USD; 01 (một) túi xách bằng da, loại dây đeo chéo, sọc carô màu đen-xám, hiệu LOUIS VUITTON PARIS made in Spain, bên trong có chữ CA3193, đã qua sử dụng; 01 (một) ví bằng da (loại da cá sấu), màu đen, hiệu LOUIS VUITTON PARIS made in France, bên trong có chữ M1116858, đã qua sử dụng; 01 (một) ví bằng da (loại da cá sấu), màu đen, hiệu HERMÈS PARIS made in France, đã qua sử dụng.

Về bồi thường thiệt hại: chị Hồ Thị Đình H là vợ bị cáo Nguyễn Long K đã bồi thường cho ông Thái Trường G số tiền 168.000.000 đồng. Sau khi nhận lại toàn bộ tài sản trên, anh G không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Long K, Nguyễn Văn T.

Tại bản Cáo trạng số: 22/QĐ-KSĐT-P3 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Long K, bị cáo Nguyễn Văn T tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173, khoản 1 Điều 304 Bộ

luật Hình sự; truy tố bị cáo Đặng Tiến C2 về tội “Không tố giác tội phạm”, theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Long K, bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Đặng Tiến C2 phạm tội “Không tố giác tội phạm”

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Long K 10 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo Nguyễn Long K phải chấp hành 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2022.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2022.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đặng Tiến C2 04 tháng 25 ngày tù về tội “Không tố giác tội phạm”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam; Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Chung tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 25/01/2023, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/01/2023, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 02/QĐ-VKS-P3 kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với 03 bị cáo vì không có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Trộm cắp tài sản” do bị cáo không trực tiếp tham gia vào việc lấy trộm tài sản của bị hại, bị cáo chỉ chờ Nguyễn Long K đến gần nhà bị hại và ra về, sau đó K kêu đến rước và đưa tiền, túi xách cho bị cáo sử dụng. Bị cáo thừa nhận đối với tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và hình phạt đã tuyên về tội danh này đối với bị cáo là phù hợp. Đối với kháng nghị tăng hình phạt của Viện Kiểm sát tỉnh Tây Ninh xin xem xét lại cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Long K và Đặng Tiến C2 thừa nhận hành vi như án sơ thẩm đã tuyên, xin Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo.

Các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới và thừa nhận đã tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo K thống nhất với bản án sơ thẩm đã tuyên vì áp dụng pháp luật và tuyên phạt tương xứng đối với hành vi bị cáo đã thực hiện. Đề nghị không tăng hình phạt đối với bị cáo K vì bị cáo đã thành khẩn nhận tội và cũng chấp nhận theo bản án sơ thẩm, không kháng cáo.

Ý kiến Luật sư bào chữa cho bị cáo T: đề nghị xem xét giảm nhẹ về hành vi trộm cắp tài sản do bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp; lời khai của bị cáo K, bị cáo T tại phiên tòa phúc thẩm đều không thể hiện Trường thống nhất ý chí với K trong việc đến nhà bị hại lấy tài sản, việc K lấy trộm xong đưa tiền cho T là sử dụng vào mục đích tiêu xài chung, không phải ăn chia. Án sơ thẩm chưa đánh giá đúng vai trò của bị cáo T trong vụ án nên hình phạt đã tuyên là chưa thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, thiếu khách quan. Ngoài ra, bị cáo có giấy khen, bằng chứng nhận trong quá trình phục vụ trong quân đội nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt. Đối với hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, án sơ thẩm đã tuyên phạt phù hợp và bị cáo cũng không kháng cáo về hình phạt đối với tội danh này. Đề nghị không chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của bị cáo T làm trong hạn luật định, hợp lệ.

Về tội danh và điều khoản đã truy tố, xét xử các bị cáo là có căn cứ. Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để tuyên phạt đối với các bị cáo.

Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T: xét án sơ thẩm đã xét xử bị cáo đúng người đúng tội và hình phạt đã tuyên là tương xứng. Bị cáo không xuất trình chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo: Xét hình phạt đã tuyên đối với các hành vi phạm tội của Nguyễn Long K và Nguyễn Văn T là tương xứng. Riêng đối với bị cáo Chung, án sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là không đúng quy định. Đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị, tăng hình phạt đối với bị cáo Chung.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T mong được chấp nhận kháng cáo và không tăng nặng hình phạt như nội dung kháng nghị.

Bị cáo K và C2 xin giữ nguyên bản án sơ thẩm, các bị cáo sẽ cố gắng cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị cáo T và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, quyền và nghĩa vụ của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được đảm bảo; các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, khách quan và đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Các bị cáo đã được tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

[2] Về nội dung:

Kết quả điều tra đã chứng minh vào ngày 09/01/2022, Nguyễn Long K điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn T đến trước nhà bị hại Thái Trường G vào đêm khuya. K lén lút đột nhập vào nhà bị hại để lấy tài sản, trong khi đó T chạy xe về nơi ở của cả hai để chờ K gọi quay lại chở K về nơi ở. Hành vi của các bị cáo bị phát hiện qua các hình ảnh do camera nội bộ của nhà bị hại thu được, kết hợp với công tác thu và giám định các dấu vết nên qua khám xét nơi ở của K, T đã thu giữ được phần lớn tang vật là tài sản đã lấy được. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt qua giám định là 821.937.500 đồng, bị cáo T được K chia tiền và túi xách đã chiếm đoạt được để tiêu xài.

Quá trình khám xét khẩn cấp tại nơi ở của hai bị cáo còn thu giữ nhiều khẩu súng và đạn, qua giám định có một khẩu K59 và 01 viên đạn được xác định là vũ khí quân dụng, kết quả điều tra thể hiện K và T có thống nhất với nhau về việc T mua và cất giấu khẩu súng này. Riêng K xác định đang cất giữ 01 khẩu súng tự chế bằng kim loại màu đồng. Kết quả giám định xác định đây là vũ khí quân dụng. Trong thời gian K cất giữ khẩu súng thì T có biết và K cùng T có cho Đặng Tiến C2 xem súng do C2 nghe Khánh tiết lộ có súng ngắn nhưng cố nhin nhóm

chủ nợ không sử dụng nên đòi xem. Khi xem súng, C2 biết rõ khẩu súng của K là vũ khí quân dụng nhưng không trình báo với cơ quan chức năng.

Với các hành vi trên, K và T bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ vũ khí quân dụng”; Đặng Tiến C2 bị truy tố về tội “Không tố giác tội phạm” theo điểm a khoản 4 Điều 173, khoản 1 Điều 304, khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo K, T và hình phạt đã tuyên là tương xứng.

Đối với Đặng Tiến C2, bị cáo đã có hành vi không tố giác tội phạm khi biết hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng của bị cáo K. Bị cáo có nhân thân xấu do nhiều lần bị xử phạt về các tội phạm nghiêm trọng, nhưng cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để tuyên xử bị cáo mức phạt tù dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là chưa đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo. Sau khi được trả tự do ngay phiên tòa sơ thẩm, bị cáo lại tiếp tục bị tạm giam về hành vi vi phạm pháp luật khác. Điều này cho thấy việc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là chưa đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa đối với chính bị cáo.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm án với lý do đã nêu trong đơn và tại phiên tòa phúc thẩm, tuy nhiên trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Người bào chữa của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo với các lập luận đã nêu ở trên. Tuy nhiên, xét lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đều thể hiện bị cáo đã thống nhất theo yêu cầu của bị cáo K trong việc đi cùng nhau đến nhà bị hại. Bị cáo tuy không cùng đột nhập vào nhà bị hại nhưng khi K lấy được tài sản thì bị cáo đã điều khiển xe đến chở K về, sau đó được K chia tiền, đưa túi xách đã chiếm đoạt được để sử dụng. Hành vi khách quan của bị cáo T đã thể hiện bị cáo biết rõ tất cả ý định và diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo K, cùng hưởng lợi theo sự phân chia của K. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận ý kiến bào chữa là bị cáo có vai trò không đáng kể đối với hành vi trộm cắp tài sản vì không trực tiếp vào nhà bị hại lấy tài sản. Bị cáo không cung cấp được các giấy khen, bằng khen như người bào chữa đã đề cập. Xét thấy án sơ thẩm đã vận dụng đầy đủ các tình tiết định khung, giảm nhẹ và xem xét toàn diện nội dung vụ án, mức độ hành vi và hậu quả xảy ra để áp dụng một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo. Do đó không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị cáo.

Đối với nội dung kháng nghị: các bị cáo Nguyễn Long K, Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tài sản đã được thu hồi cho bị hại và bị cáo

K cũng đã thực hiện bồi thường xong nên hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp. Riêng bị cáo Đặng Tiến C2 như đã nhận định, hành vi của bị cáo có tính chất nguy hiểm, bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật hình sự nhưng không có ý thức cải sửa. Án sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo và tuyên phạt mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là không đúng quy định, chưa đủ nghiêm khắc và không đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo. Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo C2 là có cơ sở để chấp nhận.

Các bị cáo K, T thực hiện tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp đồng phạm, án sơ thẩm không xác định tình tiết này và không áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự là thiếu sót, Hội đồng xét xử có bổ sung về phần căn cứ áp dụng cho đầy đủ.

Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; chấp nhận một phần Kháng nghị số 02/QĐ-VKS-P3 ngày 18/01/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Long K và Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Đặng Tiến C2 phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; khoản 1 Điều 304; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Long K 10 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội là 11 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 10/01/2022.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; khoản 1 Điều 304; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 09 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội là 10 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 10/01/2022.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đăng Tiền C2 12 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 17/8/2022 đến ngày 11/01/2023 là 04 tháng 25 ngày nên thời gian bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù còn lại là 07 tháng 05 ngày.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (4);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh (1);
- CA tỉnh Tây Ninh (1);
- Trại tạm giam CA tỉnh Tây Ninh (4);
- Người tham gia tố tụng (4)
- Lưu VP(3), HS(2). 21b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ